

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11/2021.
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Xuân Trường;
+ Bà Ngô Thị Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Thu Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị **Ngô Ngọc Mai Ph**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Q 1, xã G, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

+ **Bị đơn:** Anh **Đỗ Ngọc N**, sinh năm 1993

Địa chỉ: TDP. T, thị trấn N, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Ph có mặt, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Ngô Ngọc Mai Ph trình bày: Chị và anh Đỗ Ngọc N xây dựng gia đình với nhau năm 2018 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn N Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh đến đầu năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do vợ chồng nảy sinh quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, quan điểm sống không hòa hợp nên đời sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, dần dần có khoảng cách, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh N đã nhiều lần nói chuyện đề tìm biện pháp cải thiện tình cảm nhưng không được mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều hơn. Nay, chị Ph xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không cải thiện được do không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh N được

ly hôn.

Về con chung: Chị và anh N có 01 người con chung là Đỗ Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 22/4/2019. Khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph xác định, quá trình chung sống giữa chị và anh N không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đỗ Ngọc N trình bày: Anh và chị Ph xây dựng gia đình với nhau năm 2018, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi nhau. Nay chị Ph yêu cầu ly hôn thì anh N xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ph.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị Ph có 01 con chung là Đỗ Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 22/4/2019. Khi ly hôn, anh N đồng ý giao con chung cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định, quá trình chung sống giữa anh và chị Ph không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do bị đơn anh N vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Ph vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ph, xử cho chị Ph và anh N được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao con chung là Đỗ Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 22/4/2019 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Chị Ph phải chịu tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn anh N theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn

tại UBND thị trấn N Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30/3/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, không tự cải thiện được nên đã sống ly thân và chị Ph làm đơn yêu cầu ly hôn với anh N. Nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Ph và anh N là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không đồng cảm, chia sẻ được với nhau trong cuộc sống nên thường xảy ra bất hòa, cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng, người thân gia đình đã động viên nhưng vợ chồng không tìm được biện pháp cải thiện tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hơn nữa, hiện nay anh N vi phạm pháp luật và bị xử lý hình sự, đang trong thời gian tạm giam chờ thi hành án. Nay, chị Ph làm đơn yêu cầu ly hôn thì cả chị Ph và anh N cùng xác định, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ph. Do vậy, căn cứ Điều 53 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ph, giải quyết cho chị Ph và anh N được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Ph và anh N cùng xác định, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 22/4/2019. Khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi con thì anh N đồng ý. Nhận thấy, hiện nay anh N đang trong thời gian tạm giam, chờ chấp hành án; hơn nữa, cháu Quỳnh Anh là con gái, chưa đủ 36 tháng tuổi nên để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, cần giao con chung cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph và anh N cùng xác định, quá trình chung sống anh, chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ngô Ngọc Mai Ph phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ngô Ngọc Mai Ph, xử cho chị Ngô Ngọc Mai Ph và anh Đỗ Ngọc N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 22/4/2019 cho chị Ngô Ngọc Mai Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đỗ Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Ngô Ngọc Mai Ph phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0015437 ngày 28/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Ngô Ngọc Mai Ph đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/11/2021), nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND TT. N Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Luân

Nguyễn Xuân Trường

Nguyễn Thái Sơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Duẩn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhung và anh Duẩn xây dựng gia đình với nhau năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N Hà, huyện Lâm Hà vào ngày 14/5/2008. Quá trình chung sống không được hòa thuận hạnh phúc nên chị Nhung làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị Nhung xác định không còn tình cảm với anh Duẩn và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn còn anh Duẩn vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nhung và anh Duẩn phát sinh là do kinh tế gia đình khó khăn, anh Duẩn lại nghiện ma túy nhưng không tu chí cai nghiện để vợ chồng cùng chăm lo xây dựng kinh tế gia đình. Tòa án đã tiến hành xác minh thực tế tại địa Ph thì được biết

đã hai lần chị Nhung tạo điều kiện cho anh Duẩn đi cai nghiện tập trung nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì anh Duẩn lại tái nghiện nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, do cả hai lại không tìm được biện pháp để cải thiện nên đã tự sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nhung, xử cho chị Nhung và anh Duẩn được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Nhung và anh Duẩn có một con chung là Nguyễn Thị Thủy Tiên – sinh ngày 20/4/2009, hiện đang sống cùng với chị Nhung. Khi ly hôn chị Nhung đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Duẩn cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Tiên là con gái rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, còn anh Duẩn là đối tượng nghiện ma túy không sống ổn định một nơi, hơn nữa cháu Tiên đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con cho chị Nhung có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị Nhung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nhung xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh Duẩn không có ý kiến trình bày cụ thể đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét về tài sản trong vụ án này. Trường hợp sau này nếu có tranh chấp và khi có đơn khởi kiện, được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nhung phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị Tuyết Nhung , xử cho chị Bùi Thị Tuyết Nhung và anh Nguyễn Văn Duẩn được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Nguyễn Thị Thủy Tiên – sinh ngày 20/4/2009 cho chị Bùi Thị Tuyết Nhung có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Duẩn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Bùi Thị Tuyết Nhung phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nhung đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002883 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Nhung đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị Nhung biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (22/8/2017), còn anh Duẩn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”